

Số: 67 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 5 năm 2013

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2005 - 2012

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....2705.....
	Ngày: 03/5/13
	Chuyên:.....

Thực hiện nội dung Công văn số 310/HĐND-VHXH ngày 25/12/2012 của Thường trực HĐND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em giai đoạn 2005 - 2012; UBND tỉnh báo cáo tổng kết thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2005 - 2012, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tỉnh Quảng Ngãi được chia thành 14 huyện, thành phố (01 thành phố, 01 huyện đảo, 6 huyện miền núi và 6 huyện đồng bằng), với dân số trên 1,2 triệu người, trong đó khoảng 13% là dân tộc thiểu số. Trong những năm qua, cùng với việc thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sự hỗ trợ có hiệu quả về nhiều mặt của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương; đầu tư phát triển Khu kinh tế Dung Quất, Nhà máy lọc dầu Bình Sơn đi vào hoạt động... đã góp phần làm cho kinh tế tỉnh Quảng Ngãi ngày càng phát triển, GDP tăng trưởng bình quân trên 14,78%/năm; thu ngân sách liên tục tăng từ 925 tỷ đồng năm 2006 lên hơn 4.000 tỷ đồng năm 2009 và đạt trên 18.561 tỷ đồng năm 2011; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng về công nghiệp và dịch vụ.

Tuy nhiên, mức sống dân cư còn thấp, nhất là vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm xuống còn 17,64% vào cuối năm 2012, hộ cận nghèo là 9,76%. Hiện nay có 6 huyện miền núi nghèo thuộc diện đầu tư theo Nghị quyết 30a của Chính phủ, nhưng vẫn còn 98 xã nghèo (43 xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II và 21 xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển và hải đảo) trên địa bàn tỉnh.

Là tỉnh có điều kiện kinh tế còn khó khăn, bên cạnh đó thiên tai thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết chính sách xã hội nói chung và trợ giúp đối tượng xã hội được bảo trợ nói riêng, trong đó có chính sách trợ giúp cho trẻ em.

Năm 2012, trẻ em dưới 16 tuổi khoảng 324.694 cháu (chiếm tỷ lệ 26,58% tổng dân số), trong đó có 9.351 em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (chiếm tỷ lệ 2,88%). Mặt khác trong 10 năm với 3 lần thay đổi về cơ quan

quản lý nhà nước (sáp nhập, giải thể, chuyển nhiệm vụ cho cơ quan mới) nên ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng trong công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh.

II. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

1. Công tác ban hành văn bản theo thẩm quyền

Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ban hành ngày 15/6/2004, Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (thay thế Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005) và tình hình thực tế tại địa phương, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt Chương trình hành động vì trẻ em của tỉnh giai đoạn 2001 - 2010 tại Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 18/5/2001. Đồng thời đã ban hành các văn bản để tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo Luật định, cụ thể:

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 23/4/2009 về phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm trong lứa tuổi thanh, thiếu niên; bạo lực gia đình và chống người thi hành công vụ;

- Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 30/11/2009 về việc tăng cường công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em;

- Công văn số 1585/UBND-VX ngày 04/6/2010 về việc tăng cường công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 về việc phê duyệt Kế hoạch Hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng HIV/AIDS, phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước trẻ em giai đoạn 2011 - 2015;

- Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ về “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 - 2015” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo vệ trẻ em đến năm 2015 tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về tổ chức bộ máy

a) Giai đoạn 2005 - tháng 4/2008

* *Cấp tỉnh*

Cơ quan chuyên môn: Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (DS,GĐ&TE), gồm có 6 phòng bao gồm: Tổng hợp hành chính, Kế hoạch, Thanh tra, Dân số, Gia đình, Trẻ em và 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh.

** Cấp huyện/thành phố*

Cơ quan chuyên môn: Tùy theo điều kiện và nhu cầu hoạt động của từng địa phương, UBND huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo công tác Dân số, Gia đình và Trẻ em (DS,GĐ&TE) do lãnh đạo UBND cùng cấp làm Trưởng ban, lãnh đạo ủy ban DS,GĐ&TE làm phó ban trực, lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn làm thành viên.

** Cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)*

Ban Dân số, Gia đình và Trẻ em gồm: Trưởng ban là Phó Chủ tịch UBND phụ trách Văn hóa - Xã hội; cán bộ chuyên trách Dân số, Gia đình và Trẻ em và cộng tác viên (từ 13 - 26 người/xã tùy theo số hộ dân cư của từng địa phương mà số cộng tác viên được bố trí tương ứng) và các thành viên kiêm nhiệm là đại diện các đơn vị/bộ phận, Mặt trận tổ quốc, hội đoàn thể có liên quan cấp xã.

b) Giai đoạn từ tháng 4/2008 đến nay

** Cấp tỉnh*

Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 01 đơn vị trực thuộc: Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh, trong đó:

- Từ tháng 4/2008 đến tháng 9/2012: Cơ quan có Phòng Bảo trợ xã hội - Bảo vệ chăm sóc trẻ em, thực hiện nhiệm vụ công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em được giao cho 01 Phó phòng phụ trách và 01 chuyên viên theo dõi.

- Từ tháng 10/2012 đến nay: Thành lập phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em gồm có 4 người và 01 đơn vị trực thuộc: Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh.

** Cấp huyện/thành phố*

Công tác quản lý nhà nước về trẻ em: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Về tổ chức bộ máy: Một lãnh đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách công tác xã hội và trẻ em. Tùy theo điều kiện và nhu cầu hoạt động của từng địa phương, có địa phương bố trí cán bộ chuyên trách, có địa phương là cán bộ kiêm nhiệm, nhưng phần lớn *không có cán bộ chuyên trách theo dõi công tác trẻ em.*

** Cấp xã*

Công tác trẻ em do 01 lãnh đạo UBND phụ trách lĩnh vực văn xã; cán bộ làm công tác trẻ em có thể là cán bộ Văn hóa - Xã hội kiêm nhiệm, hoặc cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hoặc cán bộ chuyên trách Dân số, Gia đình và Trẻ em hoặc cán bộ theo dõi trẻ em (tùy theo sự bố trí sắp xếp của địa phương).

3. Bố trí kinh phí cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

a) Từ 2005 - 4/2008

- Kinh phí hoạt động ở cấp tỉnh, huyện/thành phố: Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu lĩnh vực trẻ em do ngân sách tỉnh và Trung ương hỗ trợ có mục tiêu trong dự toán được giao hàng năm.

- Kinh phí hoạt động ở cấp xã:

+ Cán bộ chuyên trách hưởng chế độ phụ cấp theo chương trình mục tiêu được cấp trên bố trí trong dự toán được giao hàng năm: 190.000đ/người/tháng và hưởng chế độ phụ cấp cho cán bộ bán chuyên trách cấp xã được UBND cùng cấp chi trả hàng tháng theo quy định hiện hành.

+ Cộng tác viên hưởng thù lao hàng tháng, được tính tăng dần với thực tế trượt giá theo thời điểm tăng lương từ 20.000đ - 25.000đ - 40.000đ - 50.000đ/người/tháng.

- Quỹ Bảo trợ trẻ em huy động trong tỉnh, trong nước và các tổ chức nhân đạo, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp... chủ yếu dành cho hoạt động trợ giúp thực hiện mục tiêu bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

b) Từ tháng 04/2008 đến nay

- Cấp tỉnh, huyện/thành phố, xã/phường/thị trấn: Kinh phí bố trí cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em chủ yếu thực hiện từ các chương trình, dự án và hỗ trợ trực tiếp cho trẻ em; bao gồm:

- Kinh phí chi thường xuyên cho công tác quản lý và thực hiện các hoạt động bảo vệ chăm sóc trẻ em được phân cấp quản lý và bố trí trong dự toán chi hàng năm của các sở, ban ngành, hội đoàn thể trên địa bàn tỉnh.

- Kinh phí dành cho giáo dục, chăm sóc y tế và vui chơi giải trí, thể dục thể thao được bố trí theo ngành chuyên môn.

- Kinh phí thực hiện cho các mục tiêu bảo vệ, chăm sóc trẻ em được bố trí lồng ghép trong các Kế hoạch, Đề án, Chương trình mục tiêu quốc gia khác trên địa bàn tỉnh.

- Kinh phí chi công tác bảo vệ trẻ em và các chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em được bố trí cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tổ chức Plan vùng Quảng Ngãi đang hỗ trợ dịch vụ hệ thống bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng tại 4 xã của Huyện Sơn Hà: Sơn Nham, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Thành.

- Tổ chức Tâm nhìn thế giới tại Việt Nam ở tỉnh Quảng Ngãi đang hỗ trợ dịch vụ hệ thống bảo vệ trẻ em tại 7 xã của huyện Trà Bồng: Thị trấn Trà Xuân, Trà Bình, Trà Bùi, Trà Giang, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Thủy.

III. VỀ TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

1. Kết quả chủ yếu đạt được

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là một trong những nội dung quan trọng được tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em luôn được các cấp, các ngành quan tâm và tổ chức dưới nhiều hình thức như: tuyên truyền nhóm tại cộng đồng, trường học, tuyên truyền lưu động, panô, áp phích, nói chuyện chuyên đề, lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của các hội đoàn thể trên cơ sở ký kết liên tịch hàng năm giữa Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các ngành, hội đoàn thể liên quan trong phối hợp liên ngành và chức năng được phân cấp quản lý theo hệ thống đối với việc lồng ghép thực hiện các hoạt động của chương trình. Nội dung phổ biến, tuyên truyền và triển khai Công ước quốc tế Quyền trẻ em, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (thay thế Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005) của Chính phủ và các điều luật khác có liên quan đến quyền trẻ em, giúp mọi người dân và trẻ em hiểu đầy đủ, có hành vi đúng đắn trong việc thực hiện Luật. Đồng thời để trang bị kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ tuyên truyền viên và chuyên trách, cộng tác viên DS, GD&TE; Ủy ban DS, GD&TE tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng tuyên truyền cho cán bộ các hội, đoàn thể từ cấp tỉnh đến huyện/thành phố, xã/phường/thị trấn và cơ sở. Bên cạnh đó, tổ chức quán triệt, phổ biến và hướng dẫn triển khai cho cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em hội đoàn thể các cấp huyện/thành phố, cấp xã/phường/thị trấn để địa phương tự tổ chức tập huấn lại cho cán bộ chuyên trách, cộng tác viên DS, GD&TE ở cơ sở, đội ngũ cán bộ tổng phụ trách đội các trường tiểu học và trung học cơ sở.

- Trong 8 năm (từ 2005 - 2012) hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã thực hiện đạt kết quả: tuyên truyền trực tiếp trên 100.000 lượt người và trên 1 triệu lượt người qua các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức hội thi tìm hiểu Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, hướng dẫn tổ chức hội thi tuyên truyền phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em và phòng ngừa trẻ em làm trái pháp luật cho học sinh các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh; tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em mỗi năm một lần ở cấp tỉnh và các huyện/thành, Lễ phát động ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em các cấp...

- Phát hiện và can thiệp kịp thời 246 trường hợp vi phạm quyền trẻ em tại các địa phương.

- Qua tuyên truyền, giáo dục đã tạo được sự chuyển biến nhận thức trong cán bộ, đảng viên, nhân dân và học sinh, từ đó nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và mọi người dân trong việc thực hiện các quyền cơ bản và bổn phận của trẻ em, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Những khó khăn, hạn chế

Từ sau khi giải thể Ủy ban DS, GD & TE, công tác trẻ em chuyển về ngành Lao động - Thương binh và Xã hội chưa được các cấp Bộ ngành Trung ương quan tâm chỉ đạo; nhất là hệ thống và công tác tổ chức bộ máy làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em từ cấp tỉnh đến cấp huyện/thành phố và cấp xã/phường/thị trấn. Hệ thống bảo vệ và cung ứng dịch vụ trẻ em hầu như không vận hành, chưa được củng cố, kiện toàn; kinh phí chương trình mục tiêu còn hạn hẹp; hoạt động tuyên truyền luật và các văn bản liên quan đến trẻ em có triển khai nhưng không thường xuyên. Do đó tình trạng trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị tai nạn thương tích, đuối nước hàng năm vẫn còn xảy ra và có chiều hướng gia tăng.

IV. VỀ BẢO VỆ TRẺ EM

1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình khai sinh cho trẻ em đảm bảo thực hiện đúng theo quy định, Từ 2005 đến nay, các cơ quan đăng ký hộ tịch ở địa phương đã giải quyết 246.061 trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ em, trong đó có 86,1% số trẻ em đăng ký khai sinh đúng thời hạn.

b) Tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở địa phương:

** Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh: 9.351, trong đó:*

- Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi: 1.831 em,
- Trẻ em khuyết tật: 7.183 em,
- Trẻ em nạn nhân chất động hóa học: 1.770 em,
- Trẻ em bị xâm hại 246 em,
- Trẻ em bỏ học: 64
- Trẻ em lao động sớm: 27

** Số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt: 57.382 em, trong đó:*

- Trẻ em sống trong các hộ nghèo: 53.429 em,
- Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội: 2.022,
- Trẻ em sống trong các gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa (không có mặt ở nhà): 1.931 em

* Trẻ em bị tai nạn thương tích: khoảng 2.500, trong đó số tử vong là 272 em.

c) Các biện pháp bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt

- Các hình thức chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đa dạng và phù hợp hơn với nhu cầu của từng nhóm đối tượng, nhờ vậy mà tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc từ 40% năm 2001 tăng lên khoảng 72% vào năm 2012. Hầu hết trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhất là nhóm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em bị xâm hại tình dục đã nhận được sự quan tâm chăm sóc của nhà nước và cộng đồng xã hội thông qua các chính sách trợ cấp xã hội, trợ giúp tiếp cận y tế, giáo dục, học nghề, phẫu thuật chỉnh hình phục hồi chức năng, chăm sóc thay thế bởi các gia đình hoặc nuôi dưỡng ở các cơ sở bảo trợ xã hội.

- Thực hiện Quyết định 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; tỉnh Quảng Ngãi đã đẩy mạnh truyền thông vận động nâng cao năng lực quản lý đồng thời thực hiện các hoạt động hỗ trợ trực tiếp, kịp thời đối với các đối tượng trên; góp phần giảm đáng kể tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em có nguy cơ lang thang, trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm trong thời gian qua.

- Việc tiếp cận với dịch vụ y tế đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi cũng có bước phát triển đáng khích lệ; hầu hết nhóm trẻ em này đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế và được khám bệnh, chăm sóc sức khỏe lúc ốm đau.

2. Những khó khăn, hạn chế:

- Tình trạng ngược đãi, xâm hại, bạo lực, sao nhãng trẻ em và tình trạng người chưa thành niên vi phạm pháp luật còn nhiều tồn tại chưa được giải quyết dứt điểm.

- Vai trò bảo vệ trẻ em của gia đình, cộng đồng chưa được coi trọng; năng lực bảo vệ trẻ em của gia đình, cộng đồng còn hạn chế, trẻ em dễ trở thành nạn nhân của các hành vi bạo lực, xâm hại tình dục và dễ bị lôi kéo vào con đường vi phạm pháp luật. Còn nhiều trẻ em lang thang kiếm sống.

- Công tác bảo vệ trẻ em hiện nay chưa chủ động phòng ngừa, chủ yếu chỉ can thiệp, trợ giúp cho trẻ em đã rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Hệ thống pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt còn nhiều bất cập; thiếu mạng lưới tổ chức và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em có hiệu quả.

- Trong những năm qua, hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã 3 lần bị sáp nhập, giải thể và chuyển chức năng nhiệm vụ từ cơ quan cũ sang cơ quan mới quản lý. Đội ngũ cán bộ quản lý các cấp chưa được kiện toàn, củng cố, đội ngũ cán bộ xã hội thiếu và còn yếu, chưa có tính chuyên nghiệp và đủ năng lực thực hiện các hoạt động trong việc phát hiện, can thiệp, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ bị tổn thương, nhất là ở cơ sở.

V. VỀ CHĂM SÓC TRẺ EM

1. Kết quả chủ yếu đạt được

Nhìn chung, trong 8 năm qua, chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em được triển khai kịp thời, thường xuyên và phổ biến đến tận thôn bản, vùng sâu, vùng xa: phòng chống các bệnh thường gặp ở trẻ em, dinh dưỡng trẻ em, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 6 tuổi; tiêm chủng phòng chống viêm não Nhật Bản, viêm gan B; uống vitamin A..., tỷ lệ trẻ em tham gia tiêm chủng mở rộng đạt 100%. Tại các cơ sở Y tế công lập có 100% trẻ em được khám và chữa bệnh miễn phí, góp phần hạn chế được bệnh tật và tử vong ở trẻ em. Với sự nỗ lực của ngành y tế, nhất là mạng lưới y tế cơ sở, cộng với sự phối hợp đồng bộ của các ngành và đoàn thể liên quan, chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng trẻ em từ năm 2005 - 2012 đạt kết quả cụ thể như sau:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân từ 37,5% năm 2001 còn 19,2% năm 2010 và 17,6% năm 2012;

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi từ 38% năm 2001 còn 29,8% năm 2011 và 27,4% năm 2012;

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm từ 6,3‰ năm 2005 xuống còn 4,3‰ năm 2010 và 3,3‰ năm 2012.

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 7,1‰ năm 2005 xuống còn 5,1‰ năm 2010 và 4,0 ‰ năm 2012.

Trong 8 năm đã có trên 98% trẻ em dưới 6 được cấp thẻ khám chữa bệnh miễn phí.

2. Những khó khăn hạn chế

Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tuy có giảm song vẫn còn cao. Số lượng bác sỹ nhi khoa và số giường dành cho bệnh nhân trẻ em chưa đủ đáp ứng nhu cầu thực tế về điều trị cho bệnh nhân trẻ em.

VI. VỀ GIÁO DỤC TRẺ EM

1. Kết quả chủ yếu đạt được

- Tính đến năm 2012, mạng lưới trường lớp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở được phát triển rộng khắp trên toàn tỉnh với các loại hình công lập, dân lập và tư thục; về cơ bản đã xóa được xã trắng về giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở ở tất cả các xã. Nhiều huyện miền núi đã có trường phổ thông dân tộc nội trú. Bên cạnh việc tăng số lượng trường học phổ thông, cơ sở vật chất đã được cải thiện đáng kể.

- Đội ngũ giáo viên phát triển và cán bộ quản lý đồng đảo với trình độ, năng lực ngày càng nâng cao. Đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuẩn ngày càng tăng lên ở các cấp học. Chất lượng giáo dục ở các cấp học đã có chuyển biến bước đầu; nội dung giảng dạy và kiến thức của học sinh phổ thông có tiến bộ toàn diện hơn.

- Đối với giáo dục mầm non, tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi mẫu giáo tăng lên rõ rệt qua các năm, từ 61,4% năm 2005 tăng lên 74,1% năm 2009 và đạt 97,7% huy động trẻ mầm non đến trường năm học 2011 - 2012. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đến trường đạt trên 93,63% trong độ tuổi, số trẻ học hai buổi/ngày đạt 78,7%; hạ tỷ lệ trẻ em bỏ học ở các cấp xuống còn 0,05% năm 2012 ở cấp I; 1,15% ở cấp II và 2,48% ở cấp III (1,7% năm 2005 và 1% năm 2010 ở cấp I; 4,68% năm 2005 và 1,5% năm 2010 ở cấp II); hoàn thành và giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 184/184 xã, phường, thị trấn

- Công bằng xã hội trong giáo dục đã được cải thiện đáng kể, đặc biệt đối với trẻ em gái, trẻ em người dân tộc và trẻ em sống trong các gia đình nghèo. Giáo dục ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa phát triển mạnh và có tiến bộ rõ rệt. Mạng lưới trường, lớp về cơ bản đã đảm bảo cho con em các dân tộc được học tập ngay tại xã, thôn, bản.

2. Những khó khăn hạn chế

- Nhiều nơi chỉ quan tâm nhiều đến tỷ lệ trẻ em nhập học mà chưa chú trọng đúng mức đến chất lượng giáo dục. Chi phí giáo dục cũng khá cao so với thu nhập của người dân đặc biệt là khu vực thành thị. Vì vậy còn một số bộ phận trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa tiếp cận được với trường học.

- Chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo chưa cao; năng lực thực hành của học sinh còn thấp, chưa gắn với nhu cầu xã hội, vẫn còn khoảng cách về giáo dục giữa thành thị và nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhất là việc tạo nguồn để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai. Tỷ lệ nhập học và hoàn thành bậc học của một số nhóm đối tượng (trẻ em khuyết tật, trẻ em vùng dân tộc thiểu số...) còn thấp hơn nhiều so với tỷ lệ chung. Tỷ lệ huy động trẻ mầm non đến lớp không đồng đều giữa các vùng. Trẻ em dân tộc thiểu số vẫn còn gặp rào cản ngôn ngữ khi mới bắt đầu tới

trường; Việc giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh trong các trường học, cộng đồng chưa được quan tâm đúng mức. Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ. Tổ chức hoạt động của các tổ chức Đoàn, Đội chưa đáp ứng được nhu cầu của học sinh. Tình trạng học sinh vi phạm nội quy, liên quan đến các tệ nạn xã hội như cờ bạc, xem phim ảnh đồi trụy, trò chơi bạo lực trên mạng internet ... vẫn chưa được phát hiện kịp thời. Việc áp dụng các biện pháp kỷ luật của nhà trường nhiều khi cứng nhắc, chưa tôn trọng nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, thậm chí một số giáo viên đã vi phạm nghiêm trọng quyền trẻ em như thầy giáo hiếp dâm học sinh, giáo viên áp dụng các hình phạt mang tính bạo lực khi học sinh chưa ngoan như dùng roi đánh, phạt phơi nắng...

VII. VUI CHƠI GIẢI TRÍ VÀ THỰC HIỆN QUYỀN THAM GIA CỦA TRẺ EM

1. Kết quả chủ yếu đạt được

Phát triển văn hóa tinh thần và tổ chức hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em, tạo sự hài hòa về trí tuệ, tình cảm, đạo đức thẩm mỹ là nhu cầu bức xúc và là một trong những mục tiêu trọng tâm được chú trọng thực hiện trong 10 năm qua. Việc thực hiện mục tiêu vui chơi, giải trí cho trẻ em ngoài thực hiện lồng ghép vào phòng trào: *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*, đã triển khai đầu tư xây dựng và thực hiện đồng bộ cả về cơ sở vật chất và tổ chức hoạt động tinh thần.

Kết quả cụ thể như sau:

- Về tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em: từ 53,30% năm 2001 tăng lên hơn 65,5% vào năm 2012.

- Về huyện, thành phố có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em được quản lý: Từ 69% năm 2001 tăng lên 78% năm 2005 và năm 2012 đạt 86,5%.

- Tỷ lệ thời lượng phát sóng (kể cả phát thanh và phát hình) trên các phương tiện thông tin đại chúng cho hoạt động văn hóa tinh thần dành cho trẻ em ước đạt 16% năm 2005 và 18,5% năm 2012.

- Ấn phẩm văn hóa, thông tin truyền thông: Tuy chưa được đầy đủ về ấn phẩm văn hóa, song hầu hết các xã đều được cấp ấn phẩm báo, tạp chí theo quy định, 100% xã có điện thoại cố định, số dân sử dụng điện thoại cố định đạt khoảng 15,1/100 dân; 71% xã có bưu điện văn hóa.

- Sự tham gia của trẻ em: Hàng năm, bằng nhiều loại hình tổ chức cho trẻ em tham gia: cuộc thi thiếu nhi kể chuyện theo sách, diễn đàn quyền trẻ, liên hoan văn nghệ, thể dục thể thao cho trẻ em vào dịp Tết, Lễ,... có 13 câu lạc bộ “quyền trẻ em” của 8 xã vùng dự án hỗ trợ trẻ em lang thang và 5 xã vùng dự án Plan được duy trì sinh hoạt và tham gia ý kiến về thực hiện quyền

trẻ em ở cộng đồng.

2. Những khó khăn hạn chế

- Điểm nổi bật là trong 3 mục tiêu đề ra của văn hóa, vui chơi và sự tham gia của trẻ em, có 2 mục tiêu chưa đạt, đó là: Tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em năm 2010 chỉ ước đạt 76% so với mục tiêu 90%; tỷ lệ huyện, thành phố có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em được quản lý chỉ đạt 85% so với mục tiêu 100%.

- Ấn phẩm văn hóa, truyền thông ở nhiều xã còn sơ sài, không đa dạng theo nhu cầu, nhiều xã còn trắng nhất là các xã miền núi, vùng cao.

- Các hoạt động thu hút sự tham gia của trẻ em còn hạn chế, chủ yếu chỉ theo phong trào, chưa được tổ chức duy trì thường xuyên, chưa khơi dậy được tiềm năng sáng tạo của trẻ em.

VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Sự phát triển kinh tế

- Đảng, chính quyền triển khai nhiều chủ trương, chính sách và phân bổ nguồn lực ngày càng tăng cho các lĩnh vực giáo dục, y tế, nước sạch vệ sinh môi trường; đồng thời đã từng bước lồng ghép các mục tiêu vì trẻ em với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, các chương trình hỗ trợ có mục tiêu. Mặt trận, các đoàn thể tăng cường hoạt động truyền truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách liên quan đến trẻ em, triển khai nhiều phong trào, mô hình bảo vệ trẻ em ở cộng đồng, khu dân cư. Nhờ vậy, đã tác động tích cực đến việc thực hiện các mục tiêu vì trẻ em, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

2. Nhận thức chung của xã hội về việc thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và Giáo dục trẻ em

Nhìn chung, nhận thức của gia đình, cộng đồng và xã hội về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã từng bước được nâng lên. Huy động được nguồn lực xã hội, các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ trẻ em, hỗ trợ thực hiện các mục tiêu vì trẻ em, nhất là các mục tiêu khó đạt như: vui chơi giải trí, bảo vệ trẻ em đặc biệt khó khăn, hỗ trợ xây dựng trường, lớp học, trang bị đồ dùng học tập cho học sinh...;

- Phần lớn các mục tiêu chương trình hành động vì trẻ em cơ bản đã đạt được, các quyền cơ bản của trẻ em được thực hiện ngày càng tốt hơn, trẻ em khó khăn được quan tâm chăm sóc, hạn chế trẻ em vi phạm pháp luật, bị xâm hại,... đều có sự tác động tích cực từ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong gần 10 năm qua.

3. Sự phát triển chính sách và pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Sau hơn 8 năm triển khai việc sửa đổi Luật Bảo vệ, chăm sóc và Giáo dục trẻ em trẻ em, Nghị định số 71/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (thay thế Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005); trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, bên cạnh việc tiếp tục thực hiện Chương hành động vì trẻ em của tỉnh giai đoạn 2001-2010, nội dung hoạt động đến năm 2012, UBND tỉnh đã ban hành các văn đề tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo Luật định, cụ thể hóa văn bản hướng dẫn của địa phương phù hợp với thực tế của tỉnh (như phần ban hành văn bản theo thẩm quyền).

Giai đoạn trước 2006, quyền được đăng ký khai sinh cho trẻ em không đảm bảo thực hiện; đặc biệt là các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa trình độ dân trí còn thấp chưa ý thức được tầm quan trọng của việc đăng ký khai sinh cho trẻ em nên để đến lúc các em vào lớp 1 (6 tuổi) mới làm giấy khai sinh đi học. Trong thời gian vừa qua, UBND tỉnh đã thống nhất cho sở Tư pháp phối hợp với Plan vùng Quảng Ngãi tổ chức rà soát và tiến hành đăng ký khai sinh miễn phí cho trẻ em tại các huyện miền núi và hải đảo của tỉnh, đạt hơn 17% tổng số trẻ em trong độ tuổi. Đồng thời phổ biến pháp luật về Hôn nhân và gia đình, pháp luật về đăng ký hộ tịch đến tận người dân bằng nhiều hình thức, từng bước nâng cao năng lực cho cộng đồng và người dân hiểu biết về chính sách pháp luật đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Nhìn chung việc triển khai Luật và phát triển các chính sách bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã đạt một số kết quả nhất định. Bên cạnh việc tuyên truyền phổ biến các vấn đề liên quan đến công tác BV, CS và GD trẻ em; pháp luật về phòng chống tội phạm và tránh các nguy cơ rơi vào tội phạm, tăng cường sức khỏe nhân dân, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng gia đình văn hóa, phát triển giáo dục, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở... đã được kết hợp, lồng ghép chung trong nhiều hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức đa dạng, kết hợp tuyên truyền, tư vấn, trợ giúp pháp lý và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

4. Sự biến động trong tổ chức quản lý và hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Công tác BV, CS và GD trẻ em ở nước ta nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng trong hơn 20 năm qua có sự biến động trong tổ chức quản lý và hoạt động đã dẫn đến những thay đổi lớn về chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước, làm ảnh hưởng đến công tác nhân sự và thực thi kế hoạch, giải pháp đối với các mục tiêu, chỉ tiêu về BV, CS và GD trẻ em trên địa bàn tỉnh. Tổ chức và hoạt động của hệ thống bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em hầu như không hoạt động và vận hành.

Ở cấp huyện/thành phố; cấp xã/phường/thị trấn chưa bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác BVCS trẻ em. Kinh phí sự nghiệp đảm bảo chi thường xuyên cho công tác BV, CS và giáo dục trẻ em ở các cấp không có, nhất là đối với cấp cơ sở. Cán bộ chuyên trách cấp xã/phường/thị trấn và đội ngũ công tác viên chưa được hình thành, do đó việc kết nối và cung ứng các dịch vụ BV, CS trẻ em bị hạn chế rất nhiều.

5. Thiên tai, dịch bệnh

Tỉnh Quảng Ngãi ở vị trí giao thông không thuận lợi, điều kiện đi lại khó khăn đã ảnh hưởng nhiều đến việc thu hút đầu tư, nhất là việc huy động các tổ chức, cá nhân trong việc dành nguồn lực cho công tác BV,CS trẻ em ở tỉnh. Sự hạn chế trong lưu thông, giao thương phần nào làm ảnh hưởng đến nhận thức của người dân trong tiếp cận thông tin, nâng cao dân trí. Bên cạnh đó, là tình nghèo, bị hậu quả chiến tranh nặng nề, điều kiện kinh tế khó khăn, lại nằm trong vùng thường xuyên bị bão lụt nên nhân dân trong vùng hay xảy ra dịch bệnh, thiên tai, nhất là các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa (như trường hợp bệnh lạ ở huyện Ba Tơ).

6. Đánh giá một số chỉ tiêu đạt được về thực hiện quyền trẻ em và công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

So với Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 1992 - 2000, Chương trình hành động vì trẻ em của tỉnh giai đoạn 2001 - 2010 đã có bước chuyển biến tích cực và đạt những kết quả nhất định. Nhiều mục tiêu, chỉ tiêu bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong kế hoạch thực hiện đã hoàn thành. Quyền trẻ em ngày càng được đảm bảo triển khai thực hiện, nhất là một số nội dung hoạt động về bảo vệ trẻ em trong tình hình mới được can thiệp, hỗ trợ như: trẻ em được khai sinh đúng thời gian quy định, trẻ em bị ngược đãi, trẻ em lang thang, trẻ em lao động sớm, lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS...

Tuy nhiên, vì nguyên nhân khách quan vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt như: tỷ lệ học sinh tiểu học, trung học cơ sở lưu ban, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi vào mẫu giáo, tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi cho trẻ em, tỷ lệ hộ dân được dùng nước sạch và thiết bị vệ sinh an toàn.

7. Nguyên nhân, bài học kinh nghiệm

a) Nguyên nhân

- Sự quan tâm của Đảng, chính quyền đối với sự nghiệp trẻ em chưa đúng mức, 10 năm qua đã 03 lần tách nhập, giải thể cơ quan bảo vệ chăm sóc trẻ em, nên công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở nhiều lúc bị buông lỏng cả trong nhận thức và hành động, chưa kiện toàn và xây dựng hệ thống đội ngũ cán bộ các cấp làm công tác bảo vệ trẻ em. Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ

em thiếu chương trình, chưa xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành và phối hợp liên ngành đối với các mục tiêu vì trẻ em hàng năm; chưa phân bổ ngân sách chi sự nghiệp bảo vệ chăm sóc trẻ em.

- Ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và một bộ phận người dân thành thị nhận thức về quyền trẻ em còn hạn chế, thiếu kiến thức và kỹ năng bảo vệ trẻ em. Trẻ em chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng sống, ít được tham gia vào các lĩnh vực xây dựng chính sách liên quan của mình.

- Chất lượng các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, vui chơi, thông tin, truyền thông cho trẻ em, bảo vệ trẻ em, nước sạch vệ sinh môi trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế; công tác xã hội hóa giáo dục, y tế, bảo vệ trẻ em, vui chơi, giải trí quy mô còn nhỏ, phạm vi còn hẹp.

- Sự an toàn của trẻ em, nạn bạo hành, xâm hại tình dục, tai nạn thương tích, bỏ học tham gia lao động sớm, nghiện game, vi phạm pháp luật... gia tăng và diễn biến phức tạp, trong khi chưa có một hệ thống bảo vệ trẻ em được vận hành đồng bộ, liên tục và hiệu quả từ khuôn khổ pháp lý, các tuyến dịch vụ cho đến công tác quản lý, giám sát.

- Là tỉnh có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, trình độ dân trí không đồng đều, hạ tầng cơ sở chưa đồng bộ, đời sống mọi mặt của nhân dân tuy có bước cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao, tập trung chủ yếu ở 6 huyện miền núi. Phân hóa giàu nghèo và sự chênh lệch rõ rệt về mức sống dẫn đến khó khăn khi triển khai thực hiện các mục tiêu như: vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ trẻ em, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế.

- Khó khai thác các nguồn lực, thu hút đầu tư trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đó có đầu tư cho trẻ em.

- Thời tiết, khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, tác động tiêu cực đến sức khỏe, đời sống người dân, đặc biệt là đối với trẻ em.

- Công tác truyền thông, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết chương trình hành động vì trẻ em từng thời kỳ chưa thực hiện thường xuyên; cơ sở dữ liệu thống kê tại từng cấp, từng ngành chưa đầy đủ, thiếu chính xác, chưa nhất quán và còn chồng chéo;

- Công tác vận động xã hội, hợp tác quốc tế cùng với nguồn ngân sách đầu tư cho các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội chưa nhiều, thiếu đồng bộ, còn nhiều khó khăn, hạn chế:

b) Bài học kinh nghiệm

- Ở nơi nào mà các cấp ủy Đảng, Chính quyền có triển khai chương trình hành động vì trẻ em bằng kế hoạch cụ thể hàng năm, có phân bổ nguồn lực, có lồng ghép với các mục tiêu chung về kinh tế - xã hội (các cấp), phân công

cán bộ phụ trách và thường xuyên kiểm tra, giám sát thì ở đó công tác phối hợp, nhận thức của người dân về bảo vệ trẻ em tốt hơn, các quyền trẻ em được đảm bảo thực hiện và ít có những vấn đề trẻ em nổi cộm, phức tạp.

- Công tác truyền thông, vận động xã hội phải phù hợp với từng nhóm đối tượng, phù hợp với tập quán văn hóa từng vùng, miền, tập trung thành chiến dịch như: Tháng hành động vì trẻ em, Ngày gia đình Việt Nam, Ngày đưa trẻ em đến trường... và gắn với các phòng trào, các mô hình của Mặt trận, các Hội đoàn thể chính trị, xã hội ở cộng đồng dân cư.

- Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách, cộng đồng, coi trọng các nguồn lực vận động khác.

- Đội ngũ cán bộ bảo vệ trẻ em đủ về số lượng, có chuyên môn nghiệp vụ và được phân bố từ tỉnh đến cơ sở để tham mưu và tổ chức phối hợp thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em của tỉnh nói chung, địa phương nói riêng.

IX. ĐỀ XUẤT NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

Trong cuộc sống hiện nay đã nảy sinh rất nhiều vấn đề liên quan đến trẻ em như bạo lực, xâm hại, bóc lột trẻ em. Xuất phát từ thực tiễn đó, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004 hiện nay không còn phù hợp, còn nhiều bất cập. Hơn nữa, đất nước ngày càng phát triển, trẻ em chính là nguồn nhân lực chất lượng cao để tham gia xây dựng đất nước, do đó cần phải sửa đổi Luật nhằm điều chỉnh các hành vi, quan hệ xã hội để trẻ em được bảo vệ tốt hơn.

Vì vậy, để phù hợp và đáp ứng nhu cầu của trẻ em trong xu thế hội nhập của nước ta hiện nay, trong đó có tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị các cơ quan thẩm quyền sửa đổi một số nội dung sau:

1. Sửa tên Luật

Đổi tên Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thành tên **Luật trẻ em**, vì thuật ngữ “Luật trẻ em” đã bao hàm và điều chỉnh tất cả các nội dung liên quan đến việc thực hiện các quyền của trẻ em trên các lĩnh vực BV, CS và GD trẻ em. Do đó dùng tên Luật trẻ em là thể hiện đầy đủ tính nội hàm của nó.

2. Điều chỉnh độ tuổi

Bổ sung tuổi được quy định là trẻ em: Trẻ em được quy định trong Luật Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 18 tuổi để phù hợp với Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em, các điều luật quốc tế liên quan và Bộ Luật dân sự, hình sự Việt Nam, nhằm đảm bảo cao nhất số quyền mà trẻ em được hưởng.

3. Cấu trúc nội dung

Ngoài các chương, mục, điều, khoản quy định chung, các chương mục, điều khoản nên sắp xếp theo các nhóm quyền cơ bản của trẻ em như: nhóm quyền sống còn, nhóm quyền được phát triển, nhóm quyền được bảo vệ và nhóm quyền được tham gia. Bên cạnh đó còn có một số quyền phát sinh trong thực tế khách quan của đời sống mà các em được quyền bảo vệ, chăm sóc.

4. Bổ sung nội dung bổn phận của trẻ em

Cần bổ sung và chính sửa cụ thể hơn về bổn phận của trẻ em đối với gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội, nhất là nâng cao bổn phận của một công dân yêu nước, ý thức tham gia xây dựng quê hương (cả về luật pháp và thực tiễn cuộc sống).

5. Bổ sung trách nhiệm

a) Cấu trúc các chương, mục, điều, khoản cần quy định rõ: trách nhiệm của các cấp thẩm quyền: cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành; lĩnh vực ngành; sự phối hợp liên ngành và phân công trách nhiệm cụ thể trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời chỉ rõ công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện báo cáo đối với các mục tiêu vì trẻ em.

b) Nêu rõ trách nhiệm chính của cơ quan đầu mối và cơ quan được ủy quyền phân công trong huy động nguồn lực trong nước, ngoài nước cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

UBND tỉnh báo cáo tổng kết thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2005 - 2012 để các cấp theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Văn hóa, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT(VX) UBND tỉnh;
- Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Bộ LĐTBXH);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: C,PVP(VX), KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, VHXH.nk314



Lê Quang Thích